

**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN TOÁN NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn Toán của tất cả thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn Toán của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A1  | 8.53                                                                                          | 8.46                                                                                                         | 0.07  |
| 2   | 12A2  | 8.33                                                                                          | 8.13                                                                                                         | 0.20  |
| 3   | 12A3  | 8.57                                                                                          | 8.68                                                                                                         | -0.11 |
| 4   | 12A4  | 8.05                                                                                          | 7.28                                                                                                         | 0.77  |
| 5   | 12A5  | 8.33                                                                                          | 8.53                                                                                                         | -0.20 |
| 6   | 12A6  | 7.57                                                                                          | 7.54                                                                                                         | 0.03  |
| 7   | 12A7  | 8.2                                                                                           | 7.97                                                                                                         | 0.23  |
| 8   | 12A8  | 7.79                                                                                          | 7.95                                                                                                         | -0.16 |
| 9   | 12A9  | 8.18                                                                                          | 8.06                                                                                                         | 0.12  |
| 10  | 12A10 | 7.78                                                                                          | 7.71                                                                                                         | 0.07  |
| 11  | 12A11 | 8.1                                                                                           | 7.75                                                                                                         | 0.35  |
| 12  | 12A12 | 7.86                                                                                          | 7.79                                                                                                         | 0.07  |
| 13  | 12A13 | 7.8                                                                                           | 7.7                                                                                                          | 0.10  |
| 14  | 12A14 | 7.29                                                                                          | 7.02                                                                                                         | 0.27  |
| 15  | 12A15 | 7.86                                                                                          | 7.55                                                                                                         | 0.31  |
| 16  | 12A16 | 8.04                                                                                          | 7.61                                                                                                         | 0.43  |
| 17  | 12A17 | 7.37                                                                                          | 7.35                                                                                                         | 0.02  |

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BẢNG****THỦ TRƯỞNG**

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Lê Ngọc Khải

**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN LÝ NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn Lý của tất cả<br>thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn Lý<br>của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A1  | 6.96                                                                                           | 7.99                                                                                                          | -1.03 |
| 2   | 12A2  | 6.51                                                                                           | 7.32                                                                                                          | -0.81 |
| 3   | 12A3  | 7.31                                                                                           | 7.93                                                                                                          | -0.62 |
| 4   | 12A4  | 6.85                                                                                           | 7.36                                                                                                          | -0.51 |
| 5   | 12A5  | 6.93                                                                                           | 7.89                                                                                                          | -0.96 |
| 6   | 12A6  | 6.15                                                                                           | 7.29                                                                                                          | -1.14 |
| 7   | 12A7  | 7.12                                                                                           | 7.38                                                                                                          | -0.26 |
| 8   | 12A8  | 6.6                                                                                            | 7.2                                                                                                           | -0.60 |
| 9   | 12A9  | 6.53                                                                                           | 7.11                                                                                                          | -0.58 |
| 10  | 12A10 | 6.64                                                                                           | 7.32                                                                                                          | -0.68 |
| 11  | 12A11 | 6.89                                                                                           | 7.1                                                                                                           | -0.21 |
| 12  | 12A12 | 6.51                                                                                           | 7.57                                                                                                          | -1.06 |
| 13  | 12A13 | 6.17                                                                                           | 7.31                                                                                                          | -1.14 |
| 14  |       |                                                                                                |                                                                                                               |       |
| 15  |       |                                                                                                |                                                                                                               |       |
| 16  |       |                                                                                                |                                                                                                               |       |
| 17  |       |                                                                                                |                                                                                                               |       |

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BẢNG****THỦ TRƯỞNG**

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Lê Ngọc Khải

**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN HÓA NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn Hóa của tất cả<br>thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn Hóa<br>của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A1  | 6.86                                                                                            | 8.03                                                                                                           | -1.17 |
| 2   | 12A2  | 6.34                                                                                            | 7.6                                                                                                            | -1.26 |
| 3   | 12A3  | 7.01                                                                                            | 8.28                                                                                                           | -1.27 |
| 4   | 12A4  | 6.87                                                                                            | 7.73                                                                                                           | -0.86 |
| 5   | 12A5  | 7.19                                                                                            | 7.85                                                                                                           | -0.66 |
| 6   | 12A6  | 6.06                                                                                            | 6.87                                                                                                           | -0.81 |
| 7   | 12A7  | 6.68                                                                                            | 7.41                                                                                                           | -0.73 |
| 8   | 12A8  | 6.09                                                                                            | 6.99                                                                                                           | -0.90 |
| 9   | 12A9  | 6.38                                                                                            | 7.58                                                                                                           | -1.20 |
| 10  | 12A10 | 6.36                                                                                            | 7.8                                                                                                            | -1.44 |
| 11  | 12A11 | 6.72                                                                                            | 7.42                                                                                                           | -0.70 |
| 12  | 12A12 | 6.65                                                                                            | 7.48                                                                                                           | -0.83 |
| 13  | 12A13 | 6.29                                                                                            | 6.89                                                                                                           | -0.60 |
| 14  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 15  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 16  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 17  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BẢNG****THỦ TRƯỞNG**

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Lê Ngọc Khái

**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN SINH NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn SINH của tất cả thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn SINH của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A1  | 5.95                                                                                          | 7.45                                                                                                         | -1.50 |
| 2   | 12A2  | 5.77                                                                                          | 7.2                                                                                                          | -1.43 |
| 3   | 12A3  | 6.03                                                                                          | 7.95                                                                                                         | -1.92 |
| 4   | 12A4  | 5.88                                                                                          | 7.09                                                                                                         | -1.21 |
| 5   | 12A5  | 6.1                                                                                           | 7.73                                                                                                         | -1.63 |
| 6   | 12A6  | 5.54                                                                                          | 6.6                                                                                                          | -1.06 |
| 7   | 12A7  | 5.38                                                                                          | 7.38                                                                                                         | -2.00 |
| 8   | 12A8  | 5.83                                                                                          | 6.31                                                                                                         | -0.48 |
| 9   | 12A9  | 5.53                                                                                          | 6.98                                                                                                         | -1.45 |
| 10  | 12A10 | 5.39                                                                                          | 6.63                                                                                                         | -1.24 |
| 11  | 12A11 | 5.59                                                                                          | 7.05                                                                                                         | -1.46 |
| 12  | 12A12 | 5.46                                                                                          | 7.27                                                                                                         | -1.81 |
| 13  | 12A13 | 5.68                                                                                          | 6.36                                                                                                         | -0.68 |
| 14  |       |                                                                                               |                                                                                                              |       |
| 15  |       |                                                                                               |                                                                                                              |       |
| 16  |       |                                                                                               |                                                                                                              |       |
| 17  |       |                                                                                               |                                                                                                              |       |

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BẢNG****THỦ TRƯỞNG**

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Lê Ngọc Khải

**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN NGỮ VĂN NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn NGỮ VĂN của<br>tất cả thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn NGỮ<br>VĂN của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A1  | 6.82                                                                                                | 7.1                                                                                                                | -0.28 |
| 2   | 12A2  | 7.26                                                                                                | 7.22                                                                                                               | 0.04  |
| 3   | 12A3  | 7.2                                                                                                 | 7.33                                                                                                               | -0.13 |
| 4   | 12A4  | 6.9                                                                                                 | 7.56                                                                                                               | -0.66 |
| 5   | 12A5  | 6.95                                                                                                | 7.37                                                                                                               | -0.42 |
| 6   | 12A6  | 6.8                                                                                                 | 7.06                                                                                                               | -0.26 |
| 7   | 12A7  | 7.07                                                                                                | 7.11                                                                                                               | -0.04 |
| 8   | 12A8  | 6.69                                                                                                | 7.12                                                                                                               | -0.43 |
| 9   | 12A9  | 6.69                                                                                                | 6.91                                                                                                               | -0.22 |
| 10  | 12A10 | 6.88                                                                                                | 6.79                                                                                                               | 0.09  |
| 11  | 12A11 | 6.6                                                                                                 | 6.89                                                                                                               | -0.29 |
| 12  | 12A12 | 7.18                                                                                                | 7.55                                                                                                               | -0.37 |
| 13  | 12A13 | 7.02                                                                                                | 7.28                                                                                                               | -0.26 |
| 14  | 12A14 | 7.61                                                                                                | 7.43                                                                                                               | 0.18  |
| 15  | 12A15 | 7.83                                                                                                | 8.29                                                                                                               | -0.46 |
| 16  | 12A16 | 7.54                                                                                                | 7.76                                                                                                               | -0.22 |
| 17  | 12A17 | 7.52                                                                                                | 7.53                                                                                                               | -0.01 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BẢNG****THỦ TRƯỞNG**

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Lê Ngọc Khải

**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN NGOẠI NGỮ NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn NGOẠI NGỮ<br>của tất cả thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn<br>NGOẠI NGỮ của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A1  | 7.33                                                                                                  | 8.09                                                                                                                 | -0.76 |
| 2   | 12A2  | 6.93                                                                                                  | 6.95                                                                                                                 | -0.02 |
| 3   | 12A3  | 7.52                                                                                                  | 8.15                                                                                                                 | -0.63 |
| 4   | 12A4  | 6.83                                                                                                  | 7.27                                                                                                                 | -0.44 |
| 5   | 12A5  | 6.56                                                                                                  | 7.68                                                                                                                 | -1.12 |
| 6   | 12A6  | 6.43                                                                                                  | 7.24                                                                                                                 | -0.81 |
| 7   | 12A7  | 6.71                                                                                                  | 7.5                                                                                                                  | -0.79 |
| 8   | 12A8  | 6.47                                                                                                  | 6.81                                                                                                                 | -0.34 |
| 9   | 12A9  | 6.19                                                                                                  | 6.83                                                                                                                 | -0.64 |
| 10  | 12A10 | 6.26                                                                                                  | 7.06                                                                                                                 | -0.80 |
| 11  | 12A11 | 6.24                                                                                                  | 6.86                                                                                                                 | -0.62 |
| 12  | 12A12 | 6.01                                                                                                  | 6.93                                                                                                                 | -0.92 |
| 13  | 12A13 | 6.68                                                                                                  | 7.18                                                                                                                 | -0.50 |
| 14  | 12A14 | 6.73                                                                                                  | 7.17                                                                                                                 | -0.44 |
| 15  | 12A15 | 7.6                                                                                                   | 7.59                                                                                                                 | 0.01  |
| 16  | 12A16 | 6.75                                                                                                  | 7.24                                                                                                                 | -0.49 |
| 17  | 12A17 | 6.76                                                                                                  | 7.23                                                                                                                 | -0.47 |

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BẢNG****THỦ TRƯỞNG**

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Lê Ngọc Khải

**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN LỊCH SỬ NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn LỊCH SỬ của<br>tất cả thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn LỊCH<br>SỬ của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A14 | 6.26                                                                                                | 7.4                                                                                                                | -1.14 |
| 2   | 12A15 | 7.11                                                                                                | 8.13                                                                                                               | -1.02 |
| 3   | 12A16 | 6.32                                                                                                | 7.47                                                                                                               | -1.15 |
| 4   | 12A17 | 5.85                                                                                                | 7.77                                                                                                               | -1.92 |
| 5   |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 6   |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 7   |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 8   |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 9   |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 10  |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 11  |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 12  |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 13  |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 14  |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 15  |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 16  |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |
| 17  |       |                                                                                                     |                                                                                                                    |       |

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

**NGƯỜI LẬP BẢNG****THỦ TRƯỞNG**

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Lê Ngọc Khái

**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN ĐỊA LÝ NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn ĐỊA LÝ của tất cả thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn ĐỊA LÝ của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A14 | 6.99                                                                                            | 8.11                                                                                                           | -1.12 |
| 2   | 12A15 | 7.63                                                                                            | 8.8                                                                                                            | -1.17 |
| 3   | 12A16 | 7.6                                                                                             | 8.64                                                                                                           | -1.04 |
| 4   | 12A17 | 7.31                                                                                            | 8.52                                                                                                           | -1.21 |
| 5   |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 6   |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 7   |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 8   |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 9   |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 10  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 11  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 12  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 13  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 14  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 15  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 16  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |
| 17  |       |                                                                                                 |                                                                                                                |       |

NGƯỜI LẬP BẢNG

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

THỦ TRƯỞNG

Lê Ngọc Khái



**BẢNG ĐỐI SÁNH KẾT QUẢ THI MÔN GDCD NĂM 2020**

| STT | Lớp   | Điểm Trung bình bài thi, môn thi TN<br>(Tổng điểm thi TN Môn GDCD của tất<br>cả thí sinh lớp 12) | Điểm Trung bình bài thi, môn thi lớp 12<br>(Tổng điểm Trung bình cả năm Môn<br>GDCD của tất cả thí sinh lớp 12) | Lệch  |
|-----|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 1   | 12A14 | 8.76                                                                                             | 8.87                                                                                                            | -0.11 |
| 2   | 12A15 | 8.81                                                                                             | 8.79                                                                                                            | 0.02  |
| 3   | 12A16 | 8.75                                                                                             | 8.94                                                                                                            | -0.19 |
| 4   | 12A17 | 8.61                                                                                             | 9.05                                                                                                            | -0.44 |
| 5   |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 6   |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 7   |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 8   |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 9   |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 10  |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 11  |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 12  |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 13  |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 14  |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 15  |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 16  |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |
| 17  |       |                                                                                                  |                                                                                                                 |       |

NGƯỜI LẬP BẢNG

Bùi Thị Ngọc Xuyên

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 04 tháng 9 năm 2020

THỦ TRƯỞNG

Lê Ngọc Khải